

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/KDTM-PT
Ngày: 18-4-2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hữu Xuân.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhàn;
Ông Nguyễn Đắc Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 18 tháng 4 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 32/2018/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TM, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2019; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 06/2019/QĐ-TA ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL; địa chỉ: Thành phố TM, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA; địa chỉ: thành phố TM, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Hoàng H - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Duy V - chức vụ: Chuyên viên hành chính nhân sự, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA (văn bản ủy quyền ngày 25/02/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ Phần Tư Vấn Kiến Trúc VG; địa chỉ: thành phố TM, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bạch Bá Đ - Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

4. **Người làm chứng:** Ông Võ Quý L, sinh năm 1986, địa chỉ: thành phố TM, tỉnh Bình Dương

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 13/9/2017, nguyên đơn ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL trình bày:*

Khoảng tháng 4/2014, Công ty Cổ Phần Tư Vấn Kiến Trúc VG (sau đây gọi tắt là Công ty VG) mua hàng hóa của ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL (sau đây gọi tắt là ông K) với những hàng hóa là ống nước, điện gia dụng và điện công nghiệp. Đến năm 2015, Công ty VG mới sáp nhập vào Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA (sau đây gọi tắt là Công ty ĐA). Sau khi sáp nhập thì Công ty ĐA vẫn tiếp tục mua hàng của ông K. Trước khi sáp nhập, Công ty VG còn nợ của ông K số tiền là 5.000.000 đồng, nhưng nghĩ số tiền này không lớn nên ông K không cộng vào số tiền mà ông K đang khởi kiện Công ty ĐA. Tính đến ngày 29/01/2016, Công ty ĐA đã nợ của cửa hàng ông K số tiền là 832.098.980 đồng nhưng không thanh toán nên ông K không còn cung cấp hàng hóa cho Công ty ĐA. Sau nhiều lần liên hệ, Công ty ĐA đã thanh toán cho ông K số tiền 290.000.000 đồng, số tiền còn lại 542.098.980 đồng cho đến nay Công ty ĐA vẫn không thanh toán. Ngày 16/3/2016, Công ty ĐA xác nhận có nợ cửa hàng ông K số tiền trên và có đánh công văn gửi đến cửa hàng ông K xin trả nợ dần mỗi tháng 50.000.000 đồng – 100.000.000 đồng. Nếu Công ty ĐA chậm trả vượt quá 30 ngày sẽ tính lãi suất 1%/tháng. Từ đó đến nay, mặc dù ông K đã liên hệ rất nhiều lần yêu cầu Công ty ĐA trả cho ông K số nợ trên nhưng Công ty ĐA cứ khất lần và không có thiện chí trả nợ. Việc Công ty ĐA không trả nợ gây cho ông K rất nhiều khó khăn trong việc kinh doanh của cửa hàng. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hàng còn nợ là 542.098.980 đồng, số tiền lãi là 75.893.857 đồng (tạm tính từ ngày 30/01/2017 đến ngày 31/03/2018 là 14 tháng x 542.098.980 đồng x 1%/tháng = 75.893.857 đồng), tổng số tiền là 617.992.837 đồng.

** Tại Văn bản trình bày ý kiến số 2007-18/CV-ĐA ngày 20/7/2018 bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA do ông Trịnh Hoàng H đại diện trình bày:*

Sau khi nhận Thông báo thụ lý số 07/TB-TLVA ngày 01/6/2018 của Tòa

án, ông Võ Quý K có yêu cầu Công ty ĐA đối chiếu công nợ nhưng do giấy tờ ông K cung cấp không đủ chữ ký, con dấu do Công ty ĐA xác lập, không có hợp đồng kèm theo, không có giấy giới thiệu, giấy ủy quyền của Công ty cho người khác thực hiện. Đồng thời, căn cứ dữ liệu của Công ty ĐA trong khoảng 2-3 năm về trước không có thông tin lưu trữ về các hợp đồng và chứng từ như ông K trình bày. Trong thời gian 03 năm qua, Công ty ĐA có sự thay đổi về quyền sở hữu trong công ty nên những tài liệu không rõ ràng và chưa đầy đủ tính pháp lý, không có tính xác thực thông tin nên những người kế thừa Công ty ĐA không thể giải quyết trái pháp luật. Ngoài ra, các khoản nợ mà ông Võ Quý K khởi kiện bị đơn đều đã quá thời hạn 02 năm nên đề nghị Tòa án áp dụng Điều 2 của Nghị quyết 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 hướng dẫn việc thi hành Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 319 của Luật Thương mại, điểm h khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011, điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, chỉ yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là 442.098.000 đồng và thay đổi, bổ sung yêu cầu về số tiền lãi tính từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2018 với mức lãi suất 1%/tháng x 442.098.000 đồng x 24 tháng = 106.103.755 đồng, tổng số tiền là 548.202.735 đồng. Bị đơn do anh Nguyễn Duy V và chị Nguyễn Thị H1 đại diện không xác định được bị đơn có nợ hay không và nếu có nợ thì cũng không xác định được còn nợ nguyên đơn số tiền bao nhiêu nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TM, tỉnh Bình Dương đã tuyên:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL đối với bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA về việc yêu cầu thanh toán số tiền gốc là 100.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL đối với bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA có trách nhiệm thanh toán cho ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL số tiền nợ gốc là 442.098.000 đồng và số tiền lãi là 106.103.755 đồng, tổng cộng số tiền là 548.202.735 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 10/9/2018, bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Ông Võ Quý K cung cấp hàng hóa là thiết bị điện, nước cho Công ty ĐA từ năm 2015 đến ngày 28/01/2016. Tính đến ngày 29/01/2016, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 832.098.980 đồng. Công ty ĐA chuyển khoản thanh toán cho nguyên đơn 390.000.000 đồng, còn nợ 442.098.000 đồng. Căn cứ bản sao kê ngày 07/8/2018 do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương xác nhận thì ngày cuối cùng bị đơn chuyển khoản thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn là ngày 13/6/2017. Do bị đơn đã thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn nên thuộc trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ngày 13/3/2018 nguyên đơn khởi kiện bị đơn là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 của Luật Thương mại và Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Đơn khởi kiện ngày 12/3/2018, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 542.098.980 đồng. Biên bản hòa giải ngày 05/7/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 442.098.000 đồng, Tòa án sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

Về số tiền nợ gốc: Tính đến ngày 29/01/2016, bị đơn còn nợ nguyên đơn 832.098.980 đồng, bị đơn đã thanh toán thêm cho nguyên đơn 390.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 442.098.000 đồng. Căn cứ vào các phiếu xuất hàng, các phiếu giao hàng, các hóa đơn bán lẻ và các hóa đơn giá trị gia tăng do ông Võ Quý K cung cấp có chữ ký xác nhận của ông Trịnh Hoàng H - Giám đốc và các nhân viên của Công ty ĐA, thể hiện nguyên đơn đã giao hàng cho Công ty ĐA, ngày 16/3/2016, Công ty ĐA đã có công văn gửi qua hộp thư điện tử cho nguyên đơn, nội dung: *“Tính đến thời điểm hiện tại dựa theo bảng đối chiếu công nợ giữa hai công ty. Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA còn nợ của hàng điện nước KL. Trong thời gian vừa qua do công ty chúng tôi gặp khó khăn về tài chính. Nay công ty chúng tôi xin lên kế hoạch thanh toán số tiền công nợ trên như sau: Mỗi tháng thanh toán từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”* mà không có ý kiến gì đối với số tiền còn nợ theo bảng chi tiết công nợ của nguyên đơn lập và giao cho bị đơn.

Về tiền lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2018, mức lãi suất 1%/tháng x

442.098.000 đồng x 24 tháng = 106.103.755 đồng. Xét thấy, theo kế hoạch thanh toán ngày 16/3/2016 thì Công ty ĐA xác nhận còn nợ cửa hàng điện nước KL, cam kết mỗi tháng thanh toán từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, nếu công nợ vượt quá 30 ngày sẽ tính lãi suất 1%/tháng. Công ty ĐA đã không thực hiện đúng cam kết, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán tiền lãi là đúng quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại. Trong thời gian hoãn phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án triệu tập các người làm chứng, các người được triệu tập vắng mặt, có mặt ông Võ Quý L, ông L trình bày nội dung các email thể hiện sự trao đổi mua bán giữa nguyên đơn và bị đơn nhằm khẳng định bị đơn có đặt hàng, nhận hàng nguyên đơn giao và bị đơn còn nợ tiền mua hàng của nguyên đơn, trình bày của ông L làm rõ hơn nội dung vụ kiện, tài liệu hồ sơ thể hiện rõ quan hệ mua bán và số nợ giữa nguyên đơn và bị đơn, đủ cơ sở giải quyết vụ kiện.

Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quý K, buộc bị đơn Công ty ĐA phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc, nợ lãi và đình chỉ đối với phần rút yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty ĐA, giữ nguyên Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TM, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tuy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đã loại trừ tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Công ty Cổ Phần Tư Vấn Kiến Trúc VG nhưng Tòa án cấp phúc thẩm vẫn thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty Cổ Phần Tư Vấn Kiến Trúc VG theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù Công ty Cổ Phần Tư Vấn Kiến Trúc VG đã nhận được các văn bản tố tụng nhưng Công ty VG vẫn không tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt Công ty Cổ Phần Tư Vấn Kiến Trúc VG.

[1.2] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu triệu tập một số người làm chứng, Tòa án đã triệu tập nhưng chỉ có Ông Võ Quý L tham dự phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL (sau đây gọi tắt là ông K) khởi kiện cho rằng: Năm 2015, ông K có bán cho bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA (sau đây gọi tắt là Công ty ĐA) các mặt hàng như ống nước, điện gia dụng và điện công nghiệp. Tính đến ngày 29/01/2016, Công ty ĐA nợ của ông K số tiền là 832.098.980 đồng và đã thanh toán cho ông K số tiền 290.000.000 đồng, số tiền còn lại 542.098.980 đồng không thanh toán. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền hàng còn nợ là 542.098.980 đồng, số tiền lãi là 75.893.857 đồng (tạm tính từ ngày 30/01/2017 đến ngày 31/03/2018 là 14 tháng x 542.098.980 đồng x 1%/tháng = 75.893.857 đồng), tổng cộng 617.992.837 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 442.098.000 đồng và thay đổi, bổ sung yêu cầu về số tiền lãi tính từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2018 với mức lãi suất 1%/tháng x 442.098.000 đồng x 24 tháng = 106.103.755 đồng, tổng số tiền là 548.202.735 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các phiếu giao hàng, phiếu xuất hàng, hóa đơn bán lẻ, hóa đơn bán hàng, sao kê tài khoản, văn bản thể hiện thư điện tử giao dịch mua bán giữa hai bên và công văn ngày 12/3/2016 về kế hoạch thanh toán nợ được in từ thư điện tử không có ký tên và đóng dấu của Công ty bị đơn.

[2.2] Bị đơn cho rằng do giấy tờ ông K cung cấp không đủ chữ ký, con dấu do Công ty ĐA xác lập, không có hợp đồng kèm theo, không có giấy giới thiệu, giấy ủy quyền của Công ty cho người khác thực hiện. Đồng thời, căn cứ dữ liệu của Công ty ĐA trong khoảng 2-3 năm về trước không có thông tin lưu trữ về các hợp đồng và chứng từ như ông K trình bày, nên bị đơn không phát sinh những nghĩa vụ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chứng cứ bị đơn cung cấp là bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, tờ khai thuế giá trị gia tăng, danh sách nhân viên tham gia bảo hiểm xã hội của Công ty ĐA năm 2015-2016.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đơn khởi kiện ngày 12/3/2018, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 542.098.980 đồng. Biên bản hòa giải ngày 05/7/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 442.098.000 đồng; rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với phần nguyên đơn đã rút, là đúng với qui định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Nguyên đơn cho rằng việc mua bán, giao dịch hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện như sau: Sau khi Công ty ĐA đặt hàng thì ông K

sẽ xuất hàng. Công ty ĐA không nhận hàng hóa ở trụ sở Công ty mà yêu cầu ông K vận chuyển hàng hóa đến các công trình mà Công ty ĐA chỉ định. Đối với những phiếu giao hàng đã có ghi người liên lạc để nhận hàng thì khi nguyên đơn đến công trình, nguyên đơn sẽ liên lạc theo số điện thoại đó để gặp người và giao hàng trực tiếp. Còn đối với những phiếu giao hàng không có thể hiện thông tin người nhận hàng thì nguyên đơn gọi cho ông Trịnh Hoàng H hoặc ông C (ông H, ông C là thành viên Ban giám đốc của Công ty ĐA) để hỏi thông tin phải giao hàng cho ai thì nguyên đơn sẽ giao cho người đó. Phiếu giao hàng được lập 02 bản, ông K giữ 01 bản và người của Công ty ĐA giữ 01 bản. Do đã gọi điện cho ông H, ông Cường, hoặc trên phiếu giao hàng đã có ghi người liên lạc để nhận hàng nên khi đến địa chỉ công trình để giao hàng, ông K không kiểm tra về giấy tờ của những người trực tiếp nhận hàng. Nguyên đơn xuất trình các phiếu giao hàng, phiếu xuất hàng (bút lục 12-89), có những phiếu mà người nhận hàng chỉ ký, không ghi rõ họ tên (bút lục 47, 49, 50, 51, 54, 55, 56, 58, 69, 89).

Bị đơn không đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn về số hàng hóa đã nhận vì cho rằng: Khi nguyên đơn giao hàng cho bị đơn, những người nhận hàng nếu là nhân viên của bị đơn thì bị đơn thừa nhận những hàng hóa này bị đơn mua của nguyên đơn và nợ nguyên đơn. Còn những phiếu giao hàng có chữ ký nhận hàng mà không ghi đầy đủ họ tên và các phiếu mang tên người nhận hàng là ông Lê Phong V, ông Bạch Văn B, ông Hoàng Văn H1, Bạch Bá K1, Đ.V.T1, Bùi Trọng H2, Ngô Hùng D thì bị đơn không thừa nhận vì họ không phải là nhân viên của bị đơn.

Xét thấy, các bên trình bày có sự mâu thuẫn về người nhận hàng, số lượng hàng hóa đã mua bán, dẫn đến số nợ không thống nhất. Bị đơn trình bày chỉ chấp nhận một số phiếu giao hàng, một số phiếu còn lại chưa chấp nhận, nhưng tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ những phiếu giao hàng nào bị đơn chấp nhận, những phiếu giao hàng nào bị đơn chưa chấp nhận và lý do. Để làm rõ vấn đề này, Tòa án cấp sơ thẩm phải yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của những người nhận hàng để đối chất nhằm xác định những phiếu giao hàng mà bị đơn không chấp nhận thì người nhận hàng có phải là nhân viên của bị đơn hay có mối quan hệ được bị đơn chỉ định giao nhận hàng hay không? Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện nên chưa có cơ sở để xác định số nợ bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn.

[3.3] Xem xét nội dung thông điệp dữ liệu điện tử Công văn ngày 16/3/2016, Công ty ĐA gửi qua hộp thư điện tử cho nguyên đơn về kế hoạch thanh toán: *“Tính đến thời điểm hiện tại dựa theo bảng đối chiếu công nợ giữa hai công ty. Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA còn nợ của hàng điện*

nước KL. Trong thời gian vừa qua do công ty chúng tôi gặp khó khăn về tài chính. Nay công ty chúng tôi xin lên kế hoạch thanh toán số tiền công nợ trên như sau: Mỗi tháng thanh toán từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng... ”.

Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cho rằng bị đơn đã gửi Công văn ngày 16/3/2016 như trên cho nguyên đơn, bị đơn không có ý kiến gì đối với số tiền còn nợ theo bảng chi tiết công nợ của nguyên đơn lập và giao cho bị đơn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ 442.098.000 đồng và thanh toán 106.103.755 đồng tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2018 với mức lãi suất 1%/tháng. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng Công văn ngày 16/3/2016 không đủ chữ ký, con dấu do Công ty ĐA xác lập nên không thừa nhận.

Xét thấy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chưa điều tra xác minh tính xác thực về nội dung trao đổi, thư mục đính kèm của các thư điện tử giao dịch này theo quy định tại Điều 93, 94, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, mà đã sử dụng và xem như đây là chứng cứ để kết luận là chưa đủ căn cứ. Hơn nữa, nếu như Công văn ngày 16/3/2016 là xác thực và không có nội dung nào khác đi kèm, thì Công văn ngày 16/3/2016 cũng chỉ thể hiện bị đơn có nợ nguyên đơn, chứ chưa xác định được số nợ là bao nhiêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà M (muoi huynh<huynhmuoi.8*@gmail.com>) là người của Công ty ĐA được phân công thực hiện các giao dịch đặt hàng. Đây là chứng cứ không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không thừa nhận các trao đổi giữa bà M với nguyên đơn thông qua hộp thư điện tử do nguyên đơn xuất trình tại Tòa án cấp sơ thẩm nên cần phải đưa bà M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ các giao dịch trên là có thật hay không? Nếu có thì các giao dịch đó là của cá nhân bà M với nguyên đơn hay của Công ty ĐA với nguyên đơn, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ vấn đề trên là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3.4] Tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử lập luận cho rằng: “...đại diện bị đơn xác định có nợ nguyên đơn nhưng lại không xác định được số nợ bao nhiêu và cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh về số tiền đã thanh toán, cũng như về số tiền còn nợ nguyên đơn nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận phần trình bày của đại diện bị đơn theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự”. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng còn nợ nhưng số nợ theo yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn, bị đơn không thừa nhận nên theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; chứ không quy định nghĩa vụ chứng minh là của bị đơn. Trường hợp, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do lập luận của Tòa án cấp sơ thẩm chưa chính xác nên trong quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã không ra quyết định yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ. Vì vậy, chưa đủ cơ sở để đánh giá.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm cho rằng bị đơn có dùng những hóa đơn chứng từ do nguyên đơn cung cấp để thực hiện báo cáo tài chính năm với cơ quan thuế nên kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Tuy nhiên, theo các báo cáo tài chính tại các bút lục 147, 148, 149, 161, 162, 163, 165 chỉ thể hiện một số hóa đơn bán hàng với tổng số tiền hàng là 57.728.500 đồng, chứ không phải toàn bộ số hóa đơn mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm để chứng minh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ các hóa đơn đó là giá trị của các phiếu giao hàng nào?

[4] Xét các vi phạm của tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích tại mục [3.2], [3.3], [3.4] là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và điều tra chưa đầy đủ, tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung nên cần căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần bản án bị hủy theo qui định.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; đề nghị của Viện Kiểm sát là chưa hoàn toàn phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3, Điều 308; Khoản 2, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA.

1.1. Hủy một phần Quyết định của Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TM, tỉnh Bình Dương, cụ thể hủy các nội dung sau:

“2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL đối với bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA có trách nhiệm thanh toán cho ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL số tiền nợ gốc là 442.098.000 đồng và số tiền lãi là 106.103.755 đồng, tổng cộng số tiền là 548.202.735 đồng.

3/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA phải chịu số tiền là 25.928.109 đồng.

- Hoàn trả cho ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL số tiền là 14.360.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số AA/2016-0021699 ngày 21/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TM”.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố TM, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

1.2. Giữ nguyên Quyết định của Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 15/2018/KDTM-ST ngày 27/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố TM, tỉnh Bình Dương đối với phần “1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Quý K - Chủ hộ kinh doanh điện nước KL đối với bị đơn Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA về việc yêu cầu thanh toán số tiền gốc là 100.000.000 đồng.”

2. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TM, tỉnh Bình Dương hoàn trả cho Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại ĐA 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0022670 ngày 11/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TM, tỉnh Bình Dương.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 18/4/2019./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;	04
- VKSND tỉnh Bình Dương;	01
- Chi cục THADS thành phố TM;	01
- TAND thành phố TM;	01
- Tổ HCTP;	01
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Kinh tế.	02

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Hữu Xuân